

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHÁNH CƯỜNG**

Số: 77 /TTr-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Cường, ngày 08 tháng 12 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc xin hỗ trợ kinh phí để sửa chữa
công trình: Sửa chữa trụ sở làm việc Đảng uỷ; HĐND
và UBND xã Khánh Cường (giai đoạn 2)**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Luật Kế toán năm 2015 và Luật số 56/2024/QH sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Dự trữ quốc gia; Luật Thuế thu nhập cá nhân; Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2021/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 155/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hoá, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí sửa chữa chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động; thuê hàng hoá; dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Công văn số 4765/STC-QLNS ngày 06/12/2025 của Sở Tài chính về việc kinh phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng trụ sở làm việc, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc cho các đơn vị hành chính cấp xã;

Sau khi sáp nhập xã Phổ Cường và Phổ Khánh lại thành xã Khánh Cường thì Trụ sở Đảng uỷ xã Khánh Cường đặt tại xã Phổ Khánh và Trụ sở UBND xã Khánh Cường đặt tại xã Phổ Cường đã sửa chữa xong. Tuy nhiên, do nguồn vốn hạn chế nên chỉ sửa

chữa những hạng mục công việc cần thiết để phục vụ nhân dân trong xã. Còn các hạng mục công việc như sân, hệ thống thoát nước mưa, tường rào cổng ngõ, hội trường Đảng uỷ, phòng lưu trữ tài liệu đã bị hư hỏng nhưng chưa có kinh phí để sửa chữa xây dựng.

Để đảm bảo ổn định vị trí việc làm, phát huy hiệu quả, năng lực trong công việc đồng thời đáp ứng được nhu cầu cũng như nguyện vọng của cán bộ công viên chức xã nhằm phục vụ nhân dân trong xã, UBND xã Khánh Cường kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hỗ trợ kinh phí để sửa chữa công trình: Sửa chữa trụ sở làm việc Đảng uỷ, HĐND và UBND xã Khánh Cường (giai đoạn 2) với các nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Sửa chữa trụ sở làm việc Đảng uỷ, HĐND và UBND xã Khánh Cường (giai đoạn 2)

2. Tên chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Khánh Cường.

3. Địa điểm xây dựng: xã Khánh Cường, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Sự cần thiết đầu tư:

Để đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình làm việc của cán bộ, công chức xã, tạo mỹ quan cho trụ sở làm việc của Đảng uỷ, UBND xã. Việc Sửa chữa trụ sở làm việc Đảng uỷ, UBND xã Khánh Cường là hết sức cần thiết.

- Tăng tuổi thọ công trình, đảm bảo tính thẩm mỹ, mỹ quan của công trình.

- Nhằm đáp ứng nhu cầu về cơ sở hạ tầng để phục vụ tốt cho cán bộ công chức làm việc, nâng cao hiệu quả trong công việc để phục vụ tốt, nhanh chóng, kịp thời cho nhân dân xã Khánh Cường.

5. Mục tiêu đầu tư:

- Đảm bảo mục tiêu xây dựng cơ sở vật chất của Đảng uỷ, UBND xã Khánh Cường nhằm nâng cao hiệu quả làm việc, đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của cán bộ, công chức xã.

6. Quy mô sửa chữa:

*** Trụ sở làm việc của Đảng uỷ:**

+ Sân Đảng uỷ:

- Phá dỡ bê tông sân cũ đã bị hư hỏng.

- Đệm cát lu lèn chặt dày 5cm.

- Đổ bê tông sân M250 đá 1x2 dày 10cm.

- Lát gạch Terrazo dày 3cm trên lớp vữa xi măng M75.

+ Tường rào, cổng ngõ:

- Xây dựng mới đoạn tường rào phía sau trụ sở, cổng ngõ.

- Các vị trí khác vệ sinh và sơn 3 lớp (1 lớp lót, 2 lớp phủ).

- Kết cấu đoạn xây mới như sau:

Móng, trụ tường rào bằng BTCT M200 đá 1x2.

Tường xây gạch không nung VXM M75.

Tường bả Matit sơn 3 nước (1 lớp lót, 2 lớp phủ).

Trụ cổng, chân tường áp đá Granit.

Cổng ngõ bằng Inox gồm 1 cổng mở và 1 cổng đẩy.

Thay mới bảng hiệu Trụ sở UBND.

+ Nhà làm việc Đảng ủy:

- Vệ sinh, trám trét các vị trí bị hư hỏng, bong tróc.
- Sơn lại nhà làm việc bằng sơn 3 lớp (1 lớp lót, 2 lớp phủ).

+ Hội trường:

- Thay mới tôn hội trường bằng tôn sóng 3 lớp.
- Chống thấm seno.
- Sơn lại hội trường bằng sơn 3 lớp (1 lớp lót, 2 lớp phủ).

+ Phòng lưu trữ tài liệu:

- Sơn lại phòng lưu trữ bằng sơn 3 lớp (1 lớp lót, 2 lớp phủ).
- Thay mới cửa đi, cửa sổ bằng nhôm xinpha.
- Đóng laphông trần thả KT(600x600)mm.
- Lát gạch nền Ceramic KT(600x600)mm

*** Trụ sở làm việc của UBND:**

+ Sân UBND:

- Phá dỡ bê tông sân cũ đã bị hư hỏng.
- Đệm cát lu lèn chặt dày 5cm.
- Đổ bê tông sân M250 đá 1x2 dày 10cm.
- Lát gạch Terrazo dày 3cm trên lớp vữa xi măng M75.

+ Hệ thống thoát nước:

- Phá dỡ toàn bộ hệ thống thoát nước cũ đã bị hư hỏng.
- Xây dựng mương thoát nước mới bằng mương hộp KT(50x60)cm.
- Đáy, thành mương bằng bê tông M250 đá 1x2 dày 15cm.
- Đan đáy bằng BTCT M250 đá 1x2.

+ Tường rào, cổng ngõ:

- Xây dựng mới đoạn tường rào, cổng ngõ phía trước trụ sở UBND.
- Các vị trí khác vệ sinh và sơn 3 lớp (1 lớp lót, 2 lớp phủ).
- Kết cấu đoạn xây mới như sau:

Móng, trụ tường rào bằng BTCT M200 đá 1x2.

Tường xây gạch không nung VXM M75.

Tường bả Matit sơn 3 nước (1 lớp lót, 2 lớp phủ).
Trụ cổng, chân tường áp đá Granit.
Cổng ngõ bằng Inox gồm 1 cổng mở và 1 cổng đẩy.
Thay mới bảng hiệu Trụ sở UBND.

+ Nhà làm việc UBND:

- Vệ sinh, trám trét các vị trí bị hư hỏng, bong tróc.
- Sơn lại nhà làm việc bằng sơn 3 lớp (1 lớp lót, 2 lớp phủ).
- Chống thấm tường bao xung quanh nhà làm việc.

7. Loại, cấp công trình:

- + Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- + Cấp công trình: Cấp IV.

8. Tổng mức đầu tư: Ước tính khoảng 4.600.000.000 đồng.

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng:	4.056.808.581 đồng.
+ Chi phí QLDA:	113.587.601 đồng.
+ Chi phí tư vấn:	376.229.184 đồng.
+ Chi phí khác:	26.720.000 đồng.
+ Dự phòng:	26.654.634 đồng.

(Số liệu chính thức trong Báo cáo kinh tế kỹ thuật được phê duyệt).

9. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ.

10. Thời gian thực hiện: Năm 2025-2026.

Kính trình Sở Tài chính, UBND tỉnh xem xét hỗ trợ kinh phí để sửa chữa công trình: Sửa chữa trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND và UBND xã Khánh Cường (giai đoạn 2) để UBND xã Khánh Cường có cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Lưu VT.



Nguyễn Thị Kiều

ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ KHÁNH CƯỜNG, TỈNH QUẢNG NGÃI

Đơn vị tính: (đồng)

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
1	Chi phí xây dựng	G		$G_{xd} + G_{tb}$	3.915.463.682	141.344.900	4.056.808.581
3	Chi phí quản lý dự án	G _{qlđ}	2,901 %	$2,901\% \times G$	113.587.601		113.587.601
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	G _{tv}		$G_{tv1} : G_{tv7}$	348.360.356	27.868.828	376.229.184
4.1	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	G _{tv1}	5,090 %	$5,09\% \times G$	199.297.101	15.943.768	215.240.869
4.2	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, phần thiết kế	G _{tv2}	0,258 %	$0,258\% \times G_{xd1,2}$	12.122.276	969.782	13.092.058
4.3	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, phần dự toán	G _{tv3}	0,250 %	$0,25\% \times G_{xd1,2}$	11.746.391	939.711	12.686.102
4.4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	G _{tv4}	2,566 %	$3,285\% \times G_{xd}$	100.470.798	8.037.664	108.508.462
4.5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng (Thông tư 10/2021/TT-BXD)	G _{tv6}	(tối đa 20%)	TV3 trước thuế x tỷ lệ	20.094.160	1.607.533	21.701.693
4.7	Chi phí thẩm định giá	G _{tv7}		Tạm tính	4.629.630	370.370	5.000.000
5	Chi phí khác	G _k		$G_{k1} + G_{k2}$	26.720.000		26.720.000
5.1	Chi phí thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật	G _{k1}	$TMD1 * 0,019\%$	Tối thiểu	500.000		500.000
5.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	G _{k2}	0,570 %	$0,57\% \times G_{mdt}$	26.220.000		26.220.000
6	Dự phòng chi	G _{dp}	0,579 %	$(G + G_{qlđ} + G_{tv} + G_k)$	26.654.634		26.654.634
	TỔNG CỘNG				4.430.786.273	169.213.728	4.600.000.000

Bảng chữ: Hai tỷ đồng chẵn./.

Bảng chữ: Hai tỷ đồng chẵn./.